

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Khen

2. Ông Lê Văn Đại

**Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** không tham gia phiên tòa .

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST – DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T***

Địa chỉ: Số 266-268, N K KN, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

***Người Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:*** Bà **Nguyễn Đức Thạch D.**  
Chức vụ: Tổng giám đốc.

***Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng :*** Ông **Cao Hồng S.** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn T - Chi nhánh Vĩnh Long. (Theo giấy ủy quyền số: 3978/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

***Ông Cao Hồng S ủy quyền lại:*** chị Đặng Huỳnh N. Chức vụ: Phó phòng cá nhân - Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn T - Chi nhánh Vĩnh Long. Địa chỉ: Số 35B, đường 3/2, phường Y, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. (Theo văn bản ủy quyền số: 16/2021/UQ-CNVL ngày 12/01/2021, quyết định này thay thế quyết định số 546/2020/UQ-CNVL ngày 28/8/2020).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1991 (vắng mặt lần 2)  
Địa chỉ: số 9A/11, ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

### **NHẬN THẤY:**

- *Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T có anh Võ Phú C đại diện trình bày:*

Ngày 10/3/2014 Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có cho anh Nguyễn Đức T vay tiền theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền cấp thẻ sử dụng là 10.000.000đ, số thẻ là 472074 – 3270, mục đích tiêu dùng cá nhân, với lãi suất cho vay là 2,6%/tháng, thời hạn vay là 04 năm, lãi suất qua hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 3,9%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ anh T đã rút ra sử dụng số tiền 9.210.500đ và đã thực thanh toán số tiền 2.753.694đ. Còn dư nợ vốn gốc là 6.456.806đ. Sau đó anh T không trả nợ tiếp cho Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh T cũng không có thiện chí trả nợ. Ngày 05/5/2016 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ của anh T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. T đến ngày 15/01/2021 anh T còn nợ Ngân hàng số tiền 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả cho Ngân hàng số tiền 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ và phải chịu lãi phát sinh của nợ gốc T từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Bị đơn Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần cho anh T đến Tòa án làm việc, người nhà đã từ chối nhận văn bản của Tòa án, Tòa án đã thông báo, niêm yết công khai theo quy định, anh T không đến, vì vậy Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên toà hôm nay:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã ủy quyền lại cho chị Đặng Huỳnh N. Theo văn bản ủy quyền số: 16/2021/UQ-CNVL ngày 12/01/2021, quyết định này thay thế quyết định số 546/2020/UQ-CNVL ngày 28/8/2020 của Ngân hàng. Chị N cho rằng anh T đã sử dụng thẻ do Ngân hàng cấp với mệnh giá là 10.000.000đ, trong quá trình sử dụng anh T đã rút tiền mặt sử dụng là 9.210.500đ, còn dư nợ đến hôm nay là vốn là 6.456.806đ, Ngân hàng đã yêu cầu anh T trả, anh T không trả mà bỏ đi không liên lạc được, nay Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả cho Ngân hàng số tiền do sử dụng thẻ tín dụng với số tiền gốc 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ và phải chịu lãi phát sinh trên số tiền gốc của nợ vay từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định. Đối với lãi

suất là lãi thỏa thuận giữa các bên, nên lãi suất sử dụng thẻ cao hơn lãi suất vay tiền mặt.

Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập lần 2 đến Tòa án xét xử, anh T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T không đến, hiện nay anh Nguyễn Đức T còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp T, xã H, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, từ khi anh T bỏ đi không thay đổi địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định “Trường hợp đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là” Đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án, vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã lập thủ tục niêm yết triệu tập lần hai anh T đến Tòa án xét xử, anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Đức T.

[1.2] Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả lại số tiền đã vay vốn và tiền lãi là 20.306.642đ việc các bên có làm hợp đồng tín dụng nhưng mục đích sử dụng tiền vay là chi tiêu cá nhân, nên đây là quan hệ dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Ngày 10/3/2014 anh Nguyễn Đức T có ký tên yêu cầu cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng thể hiện giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T để vay số tiền 10.000.000đ, mục đích vay chi tiêu cá nhân. Lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng, thời hạn vay là 04 năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương 3,9%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ anh T đã sử dụng số tiền 9.210.500đ và đã thực thanh toán số tiền 2.753.694đ. Còn dư nợ vốn gốc là 6.456.806đ. Sau đó anh T không trả số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, Ngân hàng có đến nhà anh T yêu cầu trả nợ mới biết anh T bỏ đi. Anh T đã vay tiền của Ngân hàng qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng, mà tự ý bỏ đi không thanh toán tiền cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả số tiền đã vay của Ngân hàng T đến ngày 15/01/2021 là 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ và phải chịu lãi phát sinh của nợ gốc T từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng); trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ và phải chịu lãi phát sinh của nợ gốc T từ ngày 16/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, 144, 173, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T về việc yêu cầu anh Nguyễn Đức T trả số tiền đã vay.

Buộc anh Nguyễn Đức T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền sử dụng thẻ là 20.306.642đ (Hai mươi triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi hai đồng) trong đó vốn là 6.456.806đ, lãi quá hạn 13.849.836đ và phải chịu tiền lãi phát sinh của số nợ gốc T từ ngày 16/01/2021 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ của Ngân hàng theo quy định.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức T phải nộp 1.015.000đ (Một triệu không trăm mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, anh T nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền 479.000đ (Bốn trăm bảy mươi chín ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006133 ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm báo cho các đương sự được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND Tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ:
- Các đương sự
- Lưu HSVA:

**Võ Thị Hồng Diệp**

